

ẨN DỤ BẢN THỂ VỚI MIỀN ĐÍCH “CÁI XẤU” TRONG DIỄN NGÔN CHÍNH TRỊ TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

Nguyễn Tiến Dũng*

Diễn ngôn chính trị là công cụ quan trọng để nhà chính trị hay tổ chức chính trị theo đuổi và thực hành quyền lực; một trong những công cụ ngôn ngữ được các diễn giả chính trị sử dụng một cách phổ biến là ẩn dụ. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích ngữ nghĩa theo khung lý thuyết của ngôn ngữ học tri nhận để miêu tả và phân tích ẩn dụ bản thể ý niệm hóa “cái xấu” như kẻ thù hoặc vết thương/bệnh tật của con người trong diễn ngôn chính trị tiếng Anh và tiếng Việt của một số nhà lãnh đạo chính trị Hoa Kỳ và Việt Nam.

Từ khóa: Ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ ý niệm, ẩn dụ bản thể, diễn ngôn chính trị, cái xấu, kẻ thù, vết thương, bệnh tật.

Political discourses serve as an instrument for politicians and political organizations to pursue and execute power; and a frequently used linguistic device that political speakers opt to is metaphor. The article uses the semantic analysis method in line with theoretical frameworks of cognitive linguistics to depict and analyse ontological metaphors to conceptualize “bad things” as enemies or wounds/diseases in English and Vietnamese political discourses of some American and Vietnamese political leaders.

Keywords: Cognitive linguistics, conceptual metaphor, ontological metaphor, political discourse, bad thing, enemy, wound, disease.

1. Đặt vấn đề

Diễn ngôn chính trị, theo quan điểm của Nguyễn Thị Hương và Trần Thị Hoàng Anh (2014), là tất cả các loại hình diễn ngôn có đối tượng là cách thức quản lý của nhà nước, của các tổ chức chính trị, của các nhân vật chính trị. Diễn ngôn chính trị đề cập các vấn đề quản lý xã hội, phản ánh mối quan tâm của con người đối với các vấn đề quản lý nhà nước. Nguyễn Thanh Hải (2013) nhận định trong diễn ngôn chính trị, chủ thể - cá nhân không tồn tại, bản sắc cá nhân bị triệt tiêu, chỉ có

các vai xã hội, và các hình thức phát ngôn nhân danh chiếm giữ vai trò chủ đạo. Diễn ngôn chính trị có mục đích tạo ra hiệu lực xã hội, hiệu lực chỉ đạo và điều hành, chịu sự chi phối của sức mạnh tập thể, cộng đồng, và bao chứa ngôn từ quy chiếu tới tư tưởng hệ cũng như những chiến lược, sách lược chính trị.

Để có thể tác động một cách tích cực và thuyết phục tới đông đảo công chúng đa dạng về thành phần, lớn về số lượng và không bị giới hạn bởi không gian và thời gian, các diễn giả chính trị phải sử dụng những ngôn từ gây ấn tượng mạnh, đáng nhớ và thu hút sự quan tâm, chú ý của người nghe và một trong những công cụ

* TS., Trường Đại học Hà Nội

Email: dungnt@hanu.edu.vn

ngôn ngữ được các diễn giả chính trị sử dụng một cách phổ biến là biện pháp ẩn dụ (Zinken, 2003). Cùng chung nhận định, Vestermarck (2007) đánh giá ẩn dụ là một trong những công cụ phổ biến nhất để tạo sức nặng thuyết phục và thực hiện công tác tuyên truyền trong diễn ngôn chính trị. Charteris-Black (2004) cũng nhận xét ẩn dụ có sức nặng thuyết phục đối với lý trí cũng như tình cảm của người nghe.

Ngôn ngữ học tri nhận coi ẩn dụ ý niệm là công cụ quan trọng để ý niệm hóa. Theo Lakoff (1993), ẩn dụ ý niệm là các ánh xạ có tính hệ thống giữa hai miền ý niệm: *miền nguồn* là một phạm trù trải nghiệm được ánh xạ vào *miền đích* là một miền trải nghiệm khác. *Miền nguồn* góp phần cấu trúc nên *miền đích*, và *miền đích* được định dạng thông qua *miền nguồn*. Có thể biểu đạt quá trình ánh xạ này như sau: MIỀN ĐÍCH LÀ/NHƯ MIỀN NGUỒN.

Lakoff và Johnson (1980) phân loại ẩn dụ ý niệm gồm: ẩn dụ cấu trúc, ẩn dụ định hướng và ẩn dụ bản thể; trong đó, ẩn dụ bản thể là quá trình vật thể hóa những bản thể trừu tượng bằng cách gán cho một khái niệm trừu tượng trong miền đích một vị thế mang tính thực thể và vạch ranh giới của chúng trong không gian. Điều đó cho phép chúng ta nói đến những hiện tượng trừu tượng như là những vật thể cụ thể nhờ vào năng lực vật thể hóa của tri giác chúng ta.

Bài viết này sử dụng phương pháp phân tích ngữ nghĩa theo khung lý thuyết của ngôn ngữ học tri nhận để miêu tả và

phân tích hai ẩn dụ bản thể: CÁI XẤU LÀ VẾT THƯƠNG/BỆNH TẬT và CÁI XẤU LÀ KẼ THÙ trong diễn ngôn chính trị tiếng Anh và tiếng Việt của một số nhà lãnh đạo chính trị tiêu biểu của Hoa Kỳ và Việt Nam. Các diễn ngôn chính trị tiếng Anh trong bài viết đã được tác giả chuyển ngữ sang tiếng Việt

2. Ẩn dụ bản thể với miền đích “cái xấu” trong diễn ngôn chính trị tiếng Anh và tiếng Việt

2.1. Ẩn dụ bản thể CÁI XẤU LÀ VẾT THƯƠNG/BỆNH TẬT

Xuất hiện trong nhiều diễn ngôn chính trị là ẩn dụ ý niệm bản thể CÁI XẤU LÀ VẾT THƯƠNG/BỆNH TẬT với miền đích CÁI XẤU là một khái niệm trừu tượng được gán cho tính thực thể của VẾT THƯƠNG/BỆNH TẬT thuộc miền nguồn. Chẳng hạn, trong lời phát biểu dưới đây, Tổng thống George Bush đã ý niệm những yếu tố xấu, tiêu cực như việc buôn lậu cocain vào đất nước Hoa Kỳ là điều tội tệ, là con vi khuẩn nguy hiểm chết người có thể gây thương tổn đến đất nước này.

(1) “When that first *cocaine* was smuggled in on a ship, it may as well have been a deadly *bacteria*, so much has it *hurt* the body, the soul of our country” (Khi con tàu buôn lậu *lô cocaine* đầu tiên vào nước Mỹ, đó là *con vi khuẩn* chết người, gây *thương tổn* cho cơ thể và tâm hồn của đất nước chúng ta).

Trong bài diễn văn nhậm chức vào năm 1981, Tổng thống Ronald Reagan có

nói: “*The economic ills we suffer have come upon us over several decades*” (*Chúng ta đã phải chịu đựng những căn bệnh kinh tế nhiều thập kỷ qua*) để phản ánh một thực tế là nước Mỹ, tại thời điểm ông nhậm chức, đang phải gồng mình gánh chịu những khó khăn kinh tế kéo dài ví như một con người chịu đựng những căn bệnh kinh niên dai dẳng.

Còn Tổng thống Bill Clinton lại ý niệm hóa những quan điểm, hành vi xấu xa trong đời sống chính trị, xã hội của đất nước Hoa Kỳ như sự định kiến, sự coi thường được ngụy trang bởi những quan niệm mang màu sắc tôn giáo và chính trị là dịch bệnh và dịch bệnh này có thể gây phương hại đến sự an ninh và ổn định của quốc gia này không chỉ trong quá khứ mà còn cả ở hiện tại.

(2) “*Prejudice and contempt, cloaked in the pretense of religious or political conviction are no different. These forces have nearly destroyed our nation in the past. They plague us still*” (*Sự định kiến và sự coi thường được che đậy bởi những cáo buộc tôn giáo và chính trị cũng chẳng khác nhau là mấy. Những thế lực này trong quá khứ gần như đã hủy diệt đất nước chúng ta và giờ chúng vẫn gieo rắc dịch bệnh lên chúng ta*).

Tổng thống Donald Trump sau khi đắc cử đã chỉ ra một thực tế là nước Mỹ đang bị chia rẽ sâu sắc do hậu quả tranh giành quyền lực giữa ông và bà Clinton. Ông Trump đã ý niệm hóa sự chia rẽ sâu sắc này trong xã hội Mỹ như một vết thương

trên cơ thể nước Mỹ và ông kêu gọi người dân Mỹ hãy nêu cao tinh thần tự hào dân tộc và lấy đó làm phương thuốc chữa lành vết thương chia rẽ.

(3) “*A new national pride will stir our souls, lift our sights, and heal our divisions.*” (*Niềm tự hào dân tộc mới xuất hiện sẽ khơi dậy cảm xúc tâm hồn chúng ta, nâng tầm nhìn của chúng ta và chữa lành những vết thương chia rẽ*).

Ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà lãnh đạo chính trị có nhiều sáng tạo khi sử dụng ẩn dụ trong các diễn ngôn của mình nhằm khai thác tối đa hiệu quả và vai trò của ẩn dụ để thuyết giải các vấn đề trừu tượng trong đời sống xã hội. Trong Di chúc của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ý niệm những hậu quả của chiến tranh như những vết thương trên cơ thể đất nước và khắc phục hậu quả do chiến tranh để lại là hàn gắn vết thương (Nguyễn Tiến Dũng, 2018). Di chúc của Người có đoạn:

(4) “*Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, công việc toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải ra sức làm là mau chóng hàn gắn vết thương nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra trong cuộc chiến tranh xâm lược dã man*”.

Miền nguồn BỆNH TẬT cũng thường được Người sử dụng để ý niệm hóa những thói hư, tật xấu cần lên án và tẩy chay. Thư gửi cán bộ nông vận Người viết năm 1944 có câu:

(5) “*Cán bộ nông vận phải tránh bệnh chủ quan, bệnh hình thức, bệnh giấy tờ*”.

Nhiều thói hư, tật xấu khác cũng được Người gọi bằng từ *bệnh* như **bệnh** hẹp hòi, **bệnh** công thần, **bệnh** chủ quan, **bệnh** quan liêu, **bệnh** mệnh lệnh. Đặt trong bối cảnh những năm 1940 và 1950, khi tình nhiều cán bộ làm cách mạng còn ít học, việc sử dụng ý niệm *bệnh tật* để lên án những thói hư, tật xấu đã giúp người nghe lĩnh hội được những vấn đề trừu tượng, giúp nâng cao nhận thức và ý thức của người dân, góp phần vào thành công của Cách mạng Việt Nam.

Trong bài phát biểu chào mừng Ngày Quốc khánh 2/9/2014, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã nói:

(6) “*Chúng ta không thể chấp nhận những người miệng nói yêu nước nhưng vì lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm mà **tham nhũng, lãng phí**, làm tổn hại đến lợi ích của đất nước, làm nghèo, suy yếu đất nước. Đây là giặc nội xâm, là những **khối u** trên cơ thể đất nước cần phải cắt bỏ*”.

Có thể thấy, đất nước Việt Nam được ý niệm hóa như một cơ thể bị suy yếu, kiệt quệ bởi những *khối u - tham nhũng, lãng phí* và liệu pháp trị bệnh là phải cắt bỏ những khối u này để cơ thể được khỏe mạnh. Cách diễn đạt này giúp cho người nghe có thể tri nhận hiệu quả và dễ dàng thực trạng tham nhũng của đất nước và đồng tình, ủng hộ những biện pháp chống tham nhũng quyết liệt của Chính phủ.

Từ những phân tích trên đây, ẩn dụ bản thể CÁI XẤU LÀ VẾT THƯƠNG/BỆNH TẬT có thể được hình dung theo các phác đồ đồ họa như sau:

a) bệnh / khối u / vết thương \Rightarrow cái xấu

b) mầm họa \Rightarrow nguy cơ phát sinh cái xấu

c) chữa lành / hàn gắn \Rightarrow giải pháp khắc phục cái xấu

2.2. Ẩn dụ bản thể CÁI XẤU LÀ KẺ THÙ THÙ

Ẩn dụ bản thể CÁI XẤU LÀ KẺ THÙ trong diễn ngôn chính trị xuất phát từ thực tế trong quan hệ xã hội hàng ngày con người thường phân biệt bạn và thù. Quan hệ bạn bè là tình cảm đáng quý, đáng trân trọng; ngược lại, kẻ thù là đáng sợ, đáng ghét vì đồng nghĩa với những điều tiêu cực (Nguyễn Tiến Dũng, 2019). Do vậy, việc các diễn giả chính trị ý niệm hóa những cái xấu như *kẻ thù* là dựa trên cơ sở trải nghiệm thực tế của con người và là một biện pháp hợp lý để tăng sức biểu cảm cho những diễn ngôn của mình. Chúng ta hãy cùng xem xét một số trích đoạn dưới đây của một số vị Tổng thống Hoa Kỳ:

(7) “*Now the trumpet summons us again - not as a call to bear arms, though arms we need; not as a call to battle, though embattled we are - but a call to bear the burden of a long struggle against the common **enemies** of man: **tyranny, poverty, disease, and war itself***” (Giờ tiếng kèn lại giục giã chúng ta – không phải là tiếng kèn kêu gọi chúng ta mang vũ khí mặc dù vũ khí là thứ chúng ta cần,

không phải là tiếng kèn xung trận mặc dù chúng ta đang xung trận, mà là tiếng kèn kêu gọi chúng ta gánh vác nhiệm vụ chiến đấu trường kỳ chống **kẻ thù chung của loài người: sự chuyên chế, sự nghèo đói, bệnh tật và chiến tranh**) (John F. Kennedy, 1961).

(8) “For the more than 30 years that I have served this Nation, I have believed that this **injustice** to our people, this **waste of our resources**, was our real **enemy**. For 30 years or more, with the resources I have had, I have vigilantly fought against it. I have learned, and I know, that it will not surrender easily” (Hơn 30 năm tôi phụng sự Tổ quốc, tôi tin rằng **sự bất công** đối với người dân, **sự lãng phí các nguồn lực** chính là **kẻ thù** thực sự của chúng ta. Hơn 30 năm qua, với những nguồn lực mà tôi có, tôi đã chiến đấu với **kẻ thù** này một cách thận trọng và tôi đã rút ra bài học là **kẻ thù** này không dễ quy hàng) (Lyndon Baines Johnson, 1965).

(9) “We will be ever vigilant and never vulnerable, and we will fight our wars against **poverty, ignorance, and injustice** - for those are the **enemies** against which our forces can be honorably marshaled” (Chúng ta sẽ thận trọng và không để lộ sơ hở; chúng ta sẽ chiến đấu chống lại **sự nghèo đói, sự ngu dốt và sự bất công** vì đó là những **kẻ thù** mà để đương đầu, các lực lượng của chúng ta cần được huy động một cách hợp lý) (Jimmy Carter, 1977).

Có thể thấy ý niệm **kẻ thù** được mở rộng để hàm chứa những yếu tố tiêu cực

như: sự chuyên chế, nghèo đói, bệnh tật và chiến tranh, sự bất công, sự lãng phí các nguồn lực, sự ngu dốt... Đó là những nguy cơ đe dọa cuộc sống của người dân, sự ổn định xã hội cũng như an ninh của một quốc gia. Việc người dân và chính phủ nỗ lực tìm đối sách xử lý những yếu tố tiêu cực đó được ví như một cuộc chiến chống **kẻ thù** của nhân dân vậy.

Ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người tiên phong trong việc sử dụng ý niệm **kẻ thù** để chỉ những cái xấu. Với một từ ngắn gọn “giặc”, Người cụ thể hóa những vấn đề tiêu cực để kêu gọi nhân dân phê phán và chung tay, góp sức tiêu diệt hoặc đẩy lùi. Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống lịch sử chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khai thác yếu tố này để khơi dậy tinh thần chiến đấu, diệt giặc của nhân dân khi kêu gọi nhân dân chung tay xóa bỏ những vấn đề tiêu cực trong cuộc sống như nạn đói và tình trạng mù chữ.

Trong *Lời kêu gọi thi đua ái quốc* Chủ tịch Hồ Minh đọc trước quốc dân, đồng bào ngày 11/6/1948 có câu:

(10) “**Mục đích của thi đua ái quốc là gì? Diệt giặc đói khổ, diệt giặc dốt nát, diệt giặc ngoại xâm**”.

Trong *Thư gửi cán bộ nông vận* viết năm 1949, Hồ Chủ Tịch tiếp tục kêu gọi nhân dân:

(11) “**Thi đua tăng gia sản xuất để diệt giặc đói; Thi đua học chữ quốc ngữ để diệt giặc dốt**”.

Trong *Báo cáo chính trị tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 2 của Đảng*

Lao động Việt Nam năm 1951, Hồ Chủ tịch kêu gọi toàn đảng, toàn dân:

(12) “Thì đua mọi mặt nhưng nhằm ba điểm chính: diệt **giặc đói**, diệt **giặc đói**, diệt **giặc ngoại xâm**”.

Trong những diễn ngôn trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ý niệm những cái nguy hại như *đói khổ* và *đốt nát* như giặc ngoại xâm. Thậm chí trong cách Người liệt kê, *giặc đói khổ* và *giặc đói nát* còn được đặt trước *giặc ngoại xâm* cho thấy đó là loại giặc nguy hiểm và đáng sợ hơn cả. Cách biểu đạt này đã giúp nâng cao nhận thức của người dân Việt Nam về mối hiểm họa của vấn nạn đói khổ và đốt nát. Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh có hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ, khiến cho các phong trào thi đua ái quốc phát triển rộng khắp các vùng miền, thu hút tầng tầng, lớp lớp nhân dân hưởng ứng và tham gia. Còn trong diễn ngôn (6) đã dẫn ở trên, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã chỉ ra **tham nhũng** và **lãng phí** là **giặc nội xâm** của đất nước Việt Nam – một sự tiếp nối Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc dùng ý niệm *kẻ thù / giặc* để chỉ những vấn đề tiêu cực, những thói xấu trong thực tế đời sống chính trị, xã hội.

Ngày nay, trước hiểm họa của dịch bệnh COVID-19, Chính phủ Việt Nam đã phát động chương trình hành động phòng chống dịch bệnh trong toàn dân và việc ý niệm hóa *dịch bệnh* như *giặc thù* lại được sử dụng một cách phổ biến. Chẳng hạn, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã gửi lời kêu gọi:

(13) “Toàn thể dân tộc Việt Nam ta hãy cùng chung sức, đồng lòng vượt qua mọi khó khăn, thách thức để **chiến thắng đại dịch Covid-19!**”

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cũng đã gửi đi thông điệp: (14) “**Chống dịch như chống giặc**” và khẳng định (15) “**Sát cánh bên nhau, chúng ta sẽ chiến thắng đại dịch COVID-19**”. Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã nhận định:

(16) “Chúng ta đã xác định **cuộc chiến chống dịch** còn rất dài”.

(17) “Chúng ta đã **chiến thắng** từng **trận đánh**, nhưng cả **cuộc chiến** vẫn còn ở phía trước”.

Có thể thấy, trong bối cảnh hiện tại, ẩn dụ ý niệm CÁI XẤU LÀ KẼ THÙ vẫn còn nguyên giá trị và các diễn giả chính trị có thể khai thác yếu tố này để hiệu triệu nhân dân sát cánh, đồng lòng lên án và đẩy lùi những cái xấu, những vấn đề tiêu cực như trong một cuộc chiến chống giặc, bảo vệ đất nước.

Ẩn dụ ý niệm CÁI XẤU LÀ KẼ THÙ, vì vậy, có thể được miêu tả theo các phác đồ đồ họa như sau:

- a) giặc / kẻ thù \Rightarrow cái xấu
- b) chiến đấu \Rightarrow chống cái xấu
chống kẻ thù
- c) chiến thắng \Rightarrow cái xấu bị đẩy
kẻ thù lùi
- d) cuộc chiến / trận đánh \Rightarrow hành động
chống cái xấu

3. Kết luận

Những phân tích trên đây cho thấy hai ẩn dụ bản thể chỉ *cái xấu* được sử dụng phổ biến trong diễn ngôn chính trị tiếng Anh cũng như tiếng Việt gồm: CÁI XẤU LÀ VẾT THƯƠNG/BỆNH TẬT và CÁI XẤU LÀ KẼ THÙ. Việc các diễn giả chính trị sử dụng các ẩn dụ bản thể ý niệm hóa cái xấu như vết thương, bệnh tật và kẻ thù đã giúp họ thuyết giải một cách cụ thể các vấn đề trừu tượng trong đời sống chính trị-xã hội, và nhờ vậy các thông điệp quan trọng trong diễn ngôn chính trị được minh định và trở nên dễ hiểu đối với công chúng – đối tượng tác động chủ yếu của diễn ngôn chính trị. Tuy nhiên, những dẫn liệu trong khuôn khổ bài viết này còn hạn chế nên để có một cái nhìn toàn diện hơn, thiết nghĩ cần có thêm các nghiên cứu về các ẩn dụ bản thể này theo định hướng nghiên cứu của ngôn ngữ học tri nhận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Charteris-Black J. (2004), *Corpus Approaches to Critical Metaphor Analysis*. New York: Palgrave Macmillan.
2. Graesser, A.C., Mio, J. & Millis, K.K. (1989), Metaphors in persuasive communication. In D. Meutsch, R. Viehoff (Eds), *Comprehension of Literary Discourse: Results and Problems of Interdisciplinary Approaches*. Berlin and New York: Mouton de Gruyter. 131-153.
3. Lakoff, G. (1993), The Contemporary Theory of Metaphor. In A. Ortony (Ed), *Metaphor and Thought* (pp.202-251). Cambridge: Cambridge University Press.
4. Lakoff, G., & Johnson, M. (1980), *Metaphors we live by*. Chicago and London: The University of Chicago Press.
5. Nguyễn Thanh Hải (2013), Tìm hiểu thêm về phân tích diễn ngôn. *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, số 4 (210), tr. 9-15.
6. Nguyễn Thị Hương, Trần Thị Hoàng Anh (2014), Bàn về diễn ngôn chính trị. *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 12 (230), tr. 20-26.
7. Nguyễn Tiến Dũng (2018), Ẩn dụ ý niệm trong diễn ngôn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ*, số 56, tr. 9-15.
8. Nguyễn Tiến Dũng (2019), Ẩn dụ bản thể ‘nhân cách hóa’ trong diễn ngôn chính trị tiếng Anh và tiếng Việt”. *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ*, số 57, tr. 3-11.
9. Vestermarck, I. (2007), *Metaphors in Politics: A Study of the Metaphorical personification of America in Political Discourse*. Lulea University of Technology.
10. Zinken, J. (2003), 'Ideological Imagination Intertextual and Correlational Metaphors in Political Discourse?', *Discourse and Society*, 14, 2003.